

Mật Tạng Bộ 1 _ No.882 (Tr.409 _ Tr.412)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI MƯƠI MỐT

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

ĐẠI MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ
(Mahā-maṇḍala-vidhi-vistara, hay **Karma-maṇḍala-vidhi-vistara**: Yết Ma Mạn
Noa La Quảng Đại Nghi Quỹ)
PHẦN THỨ MƯỜI TÁM

_Bây giờ, Đức Thế Tôn lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Pháp Tam Muội Xuất
Sinh Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-dharma-karma-samaya-
sambhavādhiṣṭhāna-padmaṃ samādhi: **Nhất Thiết Như Lai Pháp Yết Ma Tam Muội
Xuất Sinh Gia Trì Liên Hoa Tam Ma Địa**) nói **Tối Thượng Tự Tâm Đại Minh**
(Sva-mahā-vidyottamām) này là:

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) cát lý-ma, ngật-lý, hồng (2)**

唵 尸 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

*)OM_ SARVA-TATHĀGATA KARMA-AGRI HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-pāṇi) nói **Tự Bộ Yết Ma
Xuất Sinh Tối Thượng Tự Tâm Đại Minh** (Sva-kula-karma-sambhava-sva-mahā-
vidyottamaṃ) này là:

“**Án, hồng, ni**”

唵 𑖀 𑖀 𑖀

*)OM_ HŪM NI

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ_ Hūṃ Dhīḥ**)

_Lúc đó, **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-garbha) nói **Tối Thượng
Tự Tâm Đại Minh** (Sva-mahā-vidyottamām) này là:

“**Án, la đát-na, cát lý-ma, tam ma duệ, hồng**”

唵 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

*)OM_ RATNA-KARMA SAMAYE HŪM

_Bây giờ, **Kim Cương Nhân Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-netra) nói **Tối Thượng
Tự Tâm Đại Minh** này là:

“**Án, bát nột-ma, cát lý-di, hồng**”

唵 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀

*)OM_ PADMA-KARME HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-viśva-karma) nói
Tối Thượng Tự Tâm Đại Minh này là:

“**Án, vĩ thuyết, cát lý-di, hồng**”

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ VIŚVA-KARME HŪM

Bây giờ, **Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát** Ma Ha Tát (Āryāvalokiteśvara) nói **Tự Bộ Yết Ma Mạn Noa La** (Sva-kula-karma-maṇḍalam) này. Tụng là:

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Tối Thượng Yết Ma Mạn Noa La (Karma-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy giống như **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

Liên Hoa Yết Ma (Padma-karmam) nên nay nói

Y Đại Mạn Noa La (Mahā-maṇḍala) Pháp Dụng

Thứ tự giảng các Mạn Noa La

Ở vòng quanh Phật, các phân vị

Vẽ *cầm hoa sen* (Padma-dhara) làm **Tiêu Xí** (Cihna)

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, bát nột-ma, bộ lý ni, hồng**”

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ PADMA-PŪRṆI HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ padma-bhūriṇī Hūm**)

“**Án, vĩ thuyết, cát lý-di, thuyết lý, hồng**”

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ VIŚVA-KARMEŚVARĪ HŪM

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đái thuyết lý-dã, tỳ thi ca (1) bát nột-ma, vĩ ni-duệ, hồng (2)**

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ SARVA-TATHĀGATA ABHIṢEKA PADMA-VIDYE HŪM

“**Án, đạt lý-ma, cát lý-di thuyết lý (1) nghê-dã na, bố nhạ, tam ma duệ, hồng (2)**

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ DHARMA-KARMEŚVARĪ JÑĀNA-PŪJA-SAMAYE HŪM

“**Án, a mô già, cát lý-di, thuyết lý, hồng**”

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ AMOGHA-KARMEŚVARĪ HŪM

“**Án, bát nột-ma, cát lý-ma, một đê, hồng**”

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ PADMA-KARMA BUDDHI HŪM

“**Án, bát nột-ma, cát lý-ma, phộc nhật-lý ni, hồng**”

ॐ अक्षरि नमो हूँ

*)OM_ PADMA-KARMA VAJRINI HŪM

“**Án, bát nột-ma, ca di nễ (1) ma la noa, bố nhạ, cát lý-ma, tam ma duệ, hồng (2)**

ॐ वश ऋषि मरुत पूजा कर्म समये हूं

*)OM_ PADMA-KĀMENI _ MĀRAṆA-PŪJA KARMA-SAMAYE HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, đồ sắt-trí, hồng”

ॐ वश कर्म तुष्टि हूं

*)OM_ PADMA-KARMA TUṢṬI HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, bột-lý cô chi, hồng, đát-la”

ॐ वश कर्म बृकुट्टि हूं वः

*)OM_ PADMA- KARMA BHRĀKUṬI HŪM TRAḤ

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, tô lý-duệ, hồng”

ॐ वश कर्म सुर्य हूं

*)OM_ PADMA- KARMA SŪRYE HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, đặc-phộc nhĩ, hồng”

ॐ वश कर्म ध्वज हूं

*)OM_ PADMA- KARMA DHVAJE HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, hạ tây, hác”

ॐ वश कर्म हसे हूं

*)OM_ PADMA- KARMA HĀSE HAḤ

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, đa lý, hồng”

ॐ वश कर्म तारे हूं

*)OM_ PADMA- KARMA TĀRE HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, cô ma lý, hồng”

ॐ वश कर्म कुमारी हूं

*)OM_ PADMA- KARMA KUMĀRI HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, na la dā ni, hồng”

ॐ वश कर्म नारायण हूं

*)OM_ PADMA- KARMA NĀRĀYAṆI HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, một-la hồng-di, hồng”

ॐ वश कर्म ब्रह्मे हूं

*)OM_ PADMA- KARMA BRĀHME HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, niết-lý đát-duệ thuyết lý, hồng”

ॐ वश कर्म नृत्येश्वरी हूं

*)OM_ PADMA- KARMA NṚTYEŚVARI HŪM

“Án, bát nột-ma, cát lý-ma, lạc xoa, tam ma duệ, hồng”

ॐ वश कर्म रक्ष समये हूं

*)OM_ PADMA- KARMA RAKṢA SAMAYE HŪM

(Bản khác ghi nhận là: Om_ padma-rakṣa karma-samaye Hūm)

“Án, ma hạ bát-la tán ni, già để nể (1) bát nột-ma, năng sát-tra-la, cát lý-ma, cát lý, hồng”

ॐ म ह ष व र (१) च (१) च य द ं ष क र म क (१) हं

*)OM_ MAHĀ-PRACAṆḌĪ GHĀTINI PADMA-DAMṢṬRA KARMA-KARI HŪM

“Án, cát lý-ma, mẫu sát-tri, già đa dā, hồng”

ॐ क र म ष (१) च ग म हं

*)OM_ KARMA-MUṢṬĪ GHĀTAYA HŪM

“Án, la để, bố nhĩ, hồng, nhược”

ॐ र (१) प ष हं ष

*)OM_ RATI PŪJE HŪM JAḤ

“Án, a tỳ thi ca, bố nhĩ, hồng, hô”

ॐ म (१) च क प ष हं ष

*)OM_ ABHIṢEKA PŪJE HŪM HOḤ

“Án, nghệ đa, bố nhĩ, hồng, đà”

ॐ ग ग प ष हं द

*)OM_ GĪTA PŪJE HŪM DHA

(Bản khác ghi nhận là: Om_ gīta-pūje hūm Dhah)

“Án, niết-lý đa, bố nhĩ, hồng, phộc”

ॐ वृ ष प ष हं व

*)OM_ NRĪTYA PŪJE HŪM VA

(Bản khác ghi nhận là: Om_ nrītya-pūje hūm Vah)

“Án, độ ba, bố nhĩ, hồng, ác”

ॐ दु च प ष हं ष

*)OM_ DHŪPA PŪJE HŪM AḤ

(Bản khác ghi nhận là: Om_ dhūpa-pūje Aḥ)

“Án, bỏ sắt-ba, bố nhĩ, hồng, dát-la”

ॐ प ष प ष हं व

*)OM_ PUṢPA PŪJE HŪM TRA

(Bản khác ghi nhận là: Om_ pūṣpa-pūje hūm Traḥ)

“Án, a lô ca, bố nhĩ, hồng, đề”

ॐ ष ष क प ष हं द

*)OM_ ĀLOKA PŪJE HŪM DHI

(Bản khác ghi nhận là: Om_ Āloka-pūje hūm Dhīḥ)

“Án, hiến đà, bố nhĩ, hồng, tông”

ॐ ग व प ष हं व

*)OM_ GANDHA PŪJE HŪM VAM

“**Án, hát dã ngật-ly phệ (1) a na dã, hồng, nhược (2)**”

ॐ नमो ह्यग्रि वे अनया हुम जाह

*)OM_ HAYAGRĪVE ĀNAYA HŪM JAḤ

“**Án, a mô già, bá xá, cốt-lỗ đề (1) bẻ noa dã, hồng, phát tra (2)**”

ॐ ममच फरि कृप ची र य हू रुह

*)OM_ AMOGHA-PĀŚA KRODHE PĪḌAYA HŪM PHATḤ

“**Án, bát nột-ma, thương cát la, mãn đề, hồng, phát tra**”

ॐ पश्य निरु र व व हू रुह

*)OM_ PADMA-ŚAṅKARA BANDHE HŪM PHATḤ

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ padma-śaṅkala bandhe hūm phatḥ**)

“**Án, bát nột-ma, kiện tra phệ xá dã, hồng, phát tra**”

ॐ पश्य चंरि रिय हू रुह

*)OM_ PADMA-GHAṀṬĀVEŚAYA HŪM PHATḤ

Lại nữa, hết thầy Pháp của nhóm **Câu Triệu** (Ākarṣaṇa) trong Mạn Noa La này đều y theo **Nghi Quỹ rộng lớn** (Vidhi-vistara) làm xong. Như điều đã nói, dẫn Đệ Tử vào Mạn Noa La, vì Đệ Tử nói rằng: “*Này Thiện Nam Tử! Người chẳng nên đem Pháp bí mật này giao tiếp vì người nói. Không khiến bị đọa ở trong Đại Địa Ngục*”

Sau đó, vì kẻ ấy dạy truyền **Trí Sở Xuất Sinh Sám Hối Trí Pháp**

_ Hết thầy **Quán Tự Tại Đại Án** (Lokesvara-mahā-mudrām)

Diệu Đăng Dẫn (Su-samāhita) Tâm, nên quán tưởng

Y Pháp sám hối **các tội lỗi** (Sarva-pāpa)

Mau được tất cả tội trong sạch

_ **Thắng Tam Muội Gia Án** (Samayāgrya-mudrām) cùng hợp

Quán Tự Tại Tôn Tam Ma Địa

Tất cả tội lỗi nặng, vô gián

Y Pháp sám hối khiến trong sạch

_ **Quán Tự Tại Tôn Tam Ma Địa** (Lokesvara-samādhi)

Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Y Pháp sám hối các tội lỗi

Tất cả tội ấy đều tan hoại

_ Hết thầy thứ tự **Yết Ma Án** (Kasrma-mudrām)

Y Pháp nếu hay kết một lần

Tất cả Nghiệp Chướng (Sarva-karmāvaraṇa), lúc sám hối

Được **tất cả nghiệp** (Sarva-karma) **đều trong sạch** (Viśodhanam)

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, tát lý-phộc bá ba, vĩ du đạt na (1) ma hạ bát nột-ma (2)**”

ॐ म र् च च (रु क र् म न च र् य

*)OM_ SARVA-PĀPA VIŚODHANA _ MAHĀ-PADMA

“**Án, tát lý-phộc nan đa lý-dã, vĩ du đạt ca (1) ma hạ tam ma dã, bát nột-di (2)**”

ॐ सर्वे सर्वत्र च (ॐ वरुण मन्त्रमय च)

*)OM_SARVA-ĀNANTARYA VIŚODHAKA _ MAHĀ-SAMAYA PADME

“Án, tát lý-phộc bá ba, bát-la na xá na (1) đạt lý-ma, bát nộ-t-ma (2)”

ॐ सर्वे पप प्रानासा वरुण च

*)OM_SARVA PĀPA PRANĀŚANA _ DHARMA-PADMA

“Án, tát lý-phộc cát lý-ma, phộc la noa, vĩ du đạt ca (1) cát lý-ma, bát nộ-t-ma (2)”

ॐ सर्वे कर्म प्रव र्म (ॐ वरुण कर्म च)

*)OM_SARVA KARMA-ĀVARAṆA VIŚODHAKA _ KARMA-PADMA

Tiếp, nên dạy truyền **Tận Nghiệp Chương Trí Pháp** (Sarva-karmāvaraṇa-parikṣaya-jñānam)

_ Hết thầy **Quán Tự Tại Đại Ấn** (Lokeśvara-mahā-mudrām)

Diệu Đẳng Dẫn (Su-samāhita) Tâm, nên quán tưởng

Thuật đình-dạ, thuật đình-dạ (ŚUDDHYA ŚUDDHYA) lúc xưng thời

Tất cả Nghiệp Chương (Sarva-karmaṇi) đều trong sạch

_ Nên kết **Yết Ma Tam Muội Ấn** (Karma-samaya-mudrām)

Quán Tự Tại Tôn Tam Ma Địa (Lokeśvara-samādhi)

Một đình-dạ, một đình-dạ (BUDHYA BUDHYA) lúc chuyển thời

Tất cả Nghiệp Chương đều trong sạch

_ **Quán Tự Tại Tôn Diệu Đẳng Chí** (Lokeśvara-samāpattyā)

Quán tưởng **Chính Pháp Ấn** (Dharma-mudrām) Tôn ấy

Đề đề đề đề (DHĪ DHĪ DHĪ DHĪ) lúc nói thời

Tất cả Nghiệp Chương đều trong sạch

_ Tiếp nên kết khắp **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrām)

Quán Tự Tại Tôn Tam Ma Địa

Hứ hứ hứ hứ (HI HI HI HI) hợp xưng thời

Tất cả Nghiệp Chương đều trong sạch

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, bá ba sát dã, bát nộ-t-ma”

ॐ पपकर्म च

*)OM_PĀPA-KṢAYA PADMA

“Án, a phộc la noa, sát dã, bát nộ-t-ma”

ॐ प्रव र्म कर्म च

*)OM_ĀVARAṆA-KṢAYA PADMA

“Án, ni phộc la noa, sát dã, bát nộ-t-ma”

ॐ वी व र्म कर्म च

*)OM_NĪVARAṆA-KṢAYA PADMA

“Án, cát lý-ma, sát dã, bát nộ-t-ma”

ॐ कर्म कर्म च

*)OM_KARMA-KṢAYA PADMA

Tiếp, nên dạy truyền **Nhất Thiết Như Lai Cúng Đường Trí Pháp** (Sarva-tathāgata-pūjā-jñānam)

_ Hết thầy **Quán Tự Tại Đại Ân**

Diệu Đăng Dẫn Tâm, y Pháp kết

Án án án án (OM OM OM OM) lúc xung thời

Hay chuyên tất cả việc cúng đường

_ Nên kết **Tối Thắng Tam Muội Ân** (Samayāgrya-mudrām)

Quán Tự Tại Tôn Tam Ma Địa

Bộ lý, bộ lý, bộ lý bộ (BHŪR BHŪR BHŪR BHUḤ)

Xung xong được chư Phật cúng đường

_ **Quán Tự Tại Tôn Diệu Đăng Chí**

Tịnh Pháp Liên Hoa (Śuddha-dharma-padma) nên quán tưởng

Hệ hệ hệ hệ (HE HE HE HE) hợp xung thời

Ấy được tất cả Phật cúng đường

_ **Liên Hoa Yết Ma Sở Thành Ân** (Padma-karma-mayīm mudrām)

Trụ Đăng Dẫn Tâm, y Pháp kết

Phệ phệ phệ phệ (VĪ VĪ VĪ VĪ) lúc xung thời

(*Bản khác ghi nhận là: Dhe dhe dhe dhe*)

Ấy được **tất cả Phật cúng đường** (Sarva-buddha-pūjā)

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, án, ca la, ma hạ, bát nột-ma”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ OM-KĀRA MAHĀ-PADMA

“Án, bộ, ca la, tam ma dā, bát nột-ma”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ BHŪ-KĀRA SAMAYA-PADMA

“Án, hệ, ca la, đạt lý-ma, bát nột-ma”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ HE-KĀRA DHARMA-PADMA

“Án, tế, ca la, cát lý-ma, bát nột-ma”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_ CE-KĀRA KARMA-PADMA

(*Bản khác ghi nhận là: Om_ Dhek-kāra karma-padma*)

Tiếp nên dạy truyền **Thành tựu Trí Pháp** (Siddhi-jñānam)

_ Kết **Quán Tự Tại Đại Ân** ấy

Trụ Đăng Dẫn Tâm, xung **hột lý**

Hột lý, hột lý, chữ hột lý (HRĪḤ HRĪḤ HRĪḤ HRĪḤ)

(*Bản khác ghi nhận là: hrī hrī hrī hrī*)

Liên được Quán Tự Tại thành tựu

_ **Quán Tự Tại Tôn Tam Ma Địa**

Kết Tam Muội Ân, xung **thất lý**

Thất lý, thất lý, chữ thất lý (ŚRĪ ŚRĪ ŚRĪ ŚRĪ)

Xung xong liền được **Thắng Thành Tựu**

_ Quán tưởng **Quán Tự Tại Đăng Chí** (Lokesvara-samāpattim)

Diệu Đăng Dẫn Tâm, xưng **địch câu**
Địch câu, địch câu, chữ địch câu (DHIK DHIK DHIK DHIK)

Liên Hoa Phần Nộ được thành tựu

Yết Ma Ân ấy cùng hợp nên

Đại Liên Hoa thành mà thiện diệu

Tất tất tất tất (SI SI SI SI) hợp xung thời

(*Bản khác ghi nhận là: **sih sih sih sih***)

Liên được tất cả Pháp Tất Địa

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, hệ, tất đình-dạ”

ॐ ह्रि (ॐ ह्रि)

*)OM_HE SIDHYA

“Án, thất-ly, tất đình-dạ”

ॐ श्री (ॐ श्री)

*)OM_SRI SIDHYA

(*Bản khác ghi nhận là: **Om_srih sidhya***)

“Án, địch câu, tất đình-dạ”

ॐ ध्रि (ॐ ध्रि)

*)OM_DHIK SIDHYA

“Án, tất, tất đình-dạ”

ॐ सि (ॐ सि)

*)OM_SI_SIDHYA

(*Bản khác ghi nhận là: **Om_sih sidhya***)

Tiếp, nên dạy truyền **Yết Ma Bí Mật Án Trí Pháp** (Karma-rahasya-mudrā-jñānam)

Quán Tự Tại Tôn Diệu Đăng Chí

Tất cả bậc Thiện Ái yêu thích

A hô tô kha (AHO SUKHA) lúc xung thời

Ấy được tất cả Phật cúng dường

Quán Tự Tại Tôn Diệu Đăng Chí

Tất cả bậc Thiện Ái vui yêu

Xung **tất lý duệ, tất tất duệ** (PRIYE PRIYE)

Ấy được chư Phật thường yêu thích

Quán Tự Tại Tôn Diệu Đăng Chí

Tất cả bậc Thiện Ái ưa thích

A hô la đế (AHO RATI) lúc xung thời

Ấy thường đắc được việc Diệu Lạc

Quán Tự Tại Tôn Diệu Đăng Chí

Tất cả bậc Thiện Ái vui thích

Tô kha, tô kha (SUKHA SUKHA) lúc xung thời

Ấy được khoái lạc, chẳng tan hoại

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, tất lý-phộc bố nạ, bát-la phộc lý-đa na, bát nột-ma”

ॐ म त् पुरा ए व न् न च श

*)OM_ SARVA-PŪJA PRAVARTANA PADMA
(Bản khác ghi nhận là: Om_ sarva-buddha-pūjā pravartana padma)

“Án, tát-ly đề cát la, bát nột-ma, hô”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ PRITI-KARA PADMA HOḤ

“Án, la đề, bát-la phộc lý-đa na, bát nột-ma”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ RATI PRAVARTANA PADMA

“Án, ma hạ tô kha, bát nột-ma, nại-ly trà, kháng”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ MAHĀ-SUKHA PADMA DRDHA HAM

_Tiếp, nên dạy truyền **Yết Ma Đại Án** (Karma-mahā-mudrām)

Như Giáo đã nói, nên chấp tay chặt kín thành **Tam Muội Án** (samaya-mudrām) sau đó làm **sự nghiệp Kim Cương** (Vajra-kāryam). Y theo Pháp Dụng của Mạn Noa La ở tất cả chôn dùng Án này an bày. Tiếp nên xung chữ **Đát La** (ॐ TRĀ) liền thành **Liên Hoa Bộ Yết Ma Pháp Án** (Padma-kula-karma-dharma-mudrām). **Hết thấy Yết Ma Tam Muội Pháp** (Sarva-karma-samayam), bền chắc làm xong thì **Án Yết Ma** (Karma-mudrah) ấy liền được thành tựu

_Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nhập vào **Kim Cương Pháp Tam Muội Án Gia Trì Tam Ma Địa** (Vajra-dharma-samaya-mudrādhiṣṭhānam samādhi) nói **Tự Án Đại Minh** (Sva-mudrā-mahā-vidya) này là:

“Án, phộc nhật-la, đạt lý-ma, bát nột-ma, hồng”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ VAJRA-DHARMA PADMA HŪM

_Khi ấy, **Kim Cương Thủ Bồ Tát** Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi) nói **Tự Án Đại Minh** này là:

“Án, phộc nhật-la, tề”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ VAJRA JĪ

(Bản khác ghi nhận là: **Artha vajra jīḥ**)

_Lúc đó, **Kim Cương Tạng Bồ Tát** Ma Ha Tát (Vajra-garbha) nói **Tự Án Đại Minh** này là:

“Án, phộc nhật-la, la đát-na, mạt cô chi, hồng”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ VAJRA-RATNA MAKUṬĪ HŪM

_Bấy giờ, **Kim Cương Nhãn Bồ Tát** Ma Ha Tát (Vajra-netra) nói **Tự Án Đại Minh** này là:

“Án, đạt lý-ma, bát nột-di, đề”
ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

*)OM_ DHARMA PADME DHĪ
(Bản khác ghi nhận là: Om_ dharma padmi Dhīh)

__ Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-viśva-karma) nói
Tự Ấn Đại Minh này là:

“**Án, tát lý-phộc mục khê, hông**”

ॐ ढ ढ ढ ढ ढ

*)OM_ SARVA-MUKHE HŪM

__ Bây giờ, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Tứ Ấn Mạn Noa La**
(Catur-mudrā-maṇḍalam) này, Tụng là:

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Tối Thượng Tứ Ấn Mạn Noa La (Catur-mudrāgra-maṇḍalam)

Tướng ấy giống như **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

Không khác nhóm **Đại Mạn Noa La** (Mahā-maṇḍala)

Khoảng trong Tứ Ấn Mạn Noa La (Catur-mudrā-maṇḍalam madhye)

Y Pháp an bày **hình tượng Phật** (Buddha-bimbaṃ)

Các phần vị giáp vòng Tôn ấy

Nên vẽ nhóm **hoa sen Kim Cương** (vajra-padma)

Trong Mạn Noa La này, hết thầy Pháp của nhóm **Câu Triệu** (Ākaṛṣaṇa) đều y
theo **Nghi Quỹ rộng lớn** (Vidhi-vistara) làm xong. Như đã nói, dẫn Đệ Tử vào Mạn
Noa La, vì Đệ Tử nói rằng: “*Ngươi chẳng nên đem Pháp bí mật này giao tiếp vì người
nói. Không khiến bị khổ não rất lớn* (Mahā-duḥkham), *chết yếu mất mạng*”

Sau đó, dạy truyền **Trí Xuất Sinh Pháp**

__ Hai tay cầm **diệu liên hoa** (Su-padma)

Một lòng lấy khắp **hoa** (Puṣpa), **diệu hương** (Su-gandha)

Dùng Diệu Hương này cúng dường khắp

Cúng xong, mau được Phật thành tựu

__ Trong mào báu có hình tượng Phật

Diệu Đăng Dẫn Tâm, an bày xong

Vì khởi **Nhân** Thế Gian kính yêu

Hiện tướng cao cử mà thuận động

__ **Hoa sen, hoa sen, ảnh tượng lớn** (Padma-padma-mahā-bimbaṃ)

Tam Ma Địa (Samādhi) Tâm đã làm xong

Như Giáo ngồi yên, y Pháp Nghi

Ý tưởng giết hại các Ma ác

__ **Bốn cửa** (Catur-mukham) bày khắp ở hoa sen

Y Pháp làm xong, cầm trong tay

Cầm xong, lúc làm **Cảnh Ngộ** (Āveśa) khắp

Như Giáo, lại làm việc xoay chuyển

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, hiến đà, bố nhạ, ngật-la, sa đạt dã, hột-ly**”

ॐ ढ ढ ढ ढ ढ ढ ढ ढ

*)OM_ GANDHA-PŪJĀGRA SĀDHAYA HRĪH

“**Án, bát nột-ma, mạt cô tra, đát tha nga đa (1) phộc thi, cô lỗ, tát lý-vông (2)
lộ kế thuyết la na tỳ thi ca, tam ma dã, hô (3)**”

ॐ वश मकुट गणग वण कुरु मङ्ग लोके र मरु पत्र समय ऋ
*)OM_ PADMA-MAKUṬA TATHĀGATA _ VAŚĪ-KURU SARVAM
LOKEŚVARAM-ABHIṢEKA SAMAYA HOḤ

“Án, bát nột-ma, bát nột-ma (1) ma la dĩa, tát lý-phộc, bát-la đa lý-thể, tam ma đạ, nghê-dĩa na, phệ câu (2)”

ॐ वश वशमलम मङ्ग प्रत्य समल ऋ ग वी र
*)OM_ PADMA PADMA-MĀLĀYA SARVA PRATYĀRTHE SAMĀDHI
JÑĀNA VĪK

(Bản khác ghi nhận là: Om_ padma padma-māraya sarva pratyarthikān samādhī-jñāna Dhik)

“Án, vī thuyết bát nột-ma (1) tát lý-phộc, cát lý-ma, cát lô bà-phộc (2) la lê, lô lê, lô lê, hồng, phát tra (3)

ॐ वशि वश मङ्ग करु करु करु व लल वल वल ऋ रु ल
*)OM_ VIŚVA-PADMA SARVA-KARMA KARA-UDBHAVA _ LALI LULI
LULI HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: Om_ viśva-padma sarva-karma-karo bhava_ lali luli leli hūm phat)

_Tiếp, nên dạy truyền **Bí Mật Án Trí Pháp** (Mudrā-rahasya-jñānam)

Tùy tất cả việc yêu thích ấy

Tam Muội này hay làm thành tựu

Án này hay khiến **Pháp khó thành** (Duḥ-sādhyā)

Ở khoảng sát na được thành tựu

Tam Muội Đại Minh này là:

“Án, sa đạt dĩa, bát nột-ma (1) la nga, tam ma dĩa, ác (2)”

ॐ सदय वश गग समय ऋ

*)OM_ SĀDHAYA PADMA-RĀGA SAMAYA AḤ

Tiếp, nên dạy **kết tất cả Án Tướng** (Sarva-mudrām bandham) thuộc nhóm Đại Án của Bộ này

_Khi ấy, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Điều Phục Nhất Thiết Thế Gian Đại Minh** (Sarva-jagad-vinayaṃ mahā-vidya) này là:

“Án, tát lý-phộc nhạ nga nột-vĩ na dĩa (1) ma hạ tát đỏa, nga tha, thi kiệt-lãm (2) phệ thuyết lô tất-dĩa, tam nại lý-xá dĩa (3) ma ma tả, tát lý-phộc tất đà dĩa, bát-la dĩa tha, hột-lý (4)”

ॐ मङ्ग गग वय मङ्ग मङ्ग गङ्ग मङ्ग वशि रुद्र संरुदय ममृ मङ्ग
मङ्ग वय ऋ

*)OM_ SARVA-JAGAD-VINAYA _ MAHĀ-SATVA AGĀCCHA ŚĪGHRAM
VIŚVA-RŪPYA SAṀDARŚAYA MAMASYA SARVA-SIDDHĀYA
PRAYĀCCHA HRĪH

_Nói Đại Minh đó xong, liền nói **Điều Phục Nhất Thiết Thế Gian Mạn Noa La** (Sarva-jagad-vinaya-maṇḍalam). Tụng là:

Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói **Điều Phục Thế Gian Mạn Noa La** (Sarva-jagad-vinaya-maṇḍalam)

Y **Đại Mạn Noa La** (Mahā-maṇḍala) Pháp Dụng

Ngoại Mạn Noa La (Bāhya-maṇḍala) nên vẽ khắp

Trong ấy, cung vị an **hoa sen** (Padma.

Cũng thế y Pháp vẽ vòng khắp

Mà các hoa sen đều nở rộ

Hoa đó lại đủ **mọi màu sắc** (Viśva-rūpaṃ)

Trong Mạn Noa La này, hết thầy các Pháp Dụng, nhóm Nghi Quỹ Dẫn Nhập đều như Nghi Quỹ rộng lớn đã nói.

_Tiếp, nên dạy truyền **Điều Phục Nhất Thiết Thế Gian Trí Pháp** (Sarva-jagad-vinaya-jñānam)

Mạn Noa La này vẽ khắp xong

Nên khéo biết **điều phục Thế Gian** (Jagad-vinaya)

Y Pháp quán tưởng Đại Ấn thành

Không khác nhóm **Tri Xảo Nghiệp Tôn** (Viśva-karma-dhara-nātha)

_Tiếp, nên dạy truyền **Điều Phục Thế Gian Bí Mật Ấn Trí Pháp** (Jagad-vinaya-rahasya-mudrā-jñānam)

Hết thầy **Chúng Sắc Tam Ma Địa** (Viśva-rūpa-samādhi)

Diệu Đăng Dẫn (Su-samāhita) Tâm nên quán tưởng

Hoa sen (Padmaṃ), **chày Kim Cương** (Vajraṃ) hợp thời

Pháp Mạn Noa La được thành tựu

_Sau đó, dạy truyền kết các Ấn Tướng của nhóm Đại Ấn ấy. Trong đây, hết thầy các Pháp thành tựu, nhóm Pháp của tượng vẽ đều y theo Pháp Dụng, Nghi Quỹ sở tác thành tựu của **Nhất Ấn Mạn Noa La** (Eka-mudrā-maṇḍala)

_Bấy giờ, tất cả Như Lai lại vân tập lần nữa, đều cùng xưng tán Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. Tụng là:

Kim Cương Tát Đỏa (Vajra-sattvāya)! **Bạc Thiện Tai** (sādhu)!

Kim Cương Đại Bảo (Vajra-ratnāya) lại lành thay!

Lành thay! **Kim Cương Diệu Pháp Môn** (Vajra-dharmāya)

Lành thay! **Kim Cương Thắng Yết Ma** (Vajra-karmaṇe)

Hay khéo tuyên nói Chính Pháp này

Vô Thượng Kim Cương Bí Mật Thừa (Vajra-yānam anuttaram)

Tất cả Như Lai Bí Mật Môn (Sarva-tathāgatam guhyam)

Nhiếp trong Đại Thừa Hiện Chứng Pháp (Mahā-yānābhisamgraham)

NHẤT THIẾT NGHĨA THÀNH TỰU ĐẠI MẠN NOA LA

QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ

(Sarvārtha-siddhi-mahā-maṇḍala-vidhi-vistara)

PHẦN THỨ MƯỜI CHÍN

Bấy giờ, tất cả Như Lai lại vân tập lần nữa, đều cùng xưng tán xong, được 108 tên của **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Bảo Giá** (Sarva-tathāgatābhiṣeka-ratnaṃ) **Chấp Kim Cương Tôn** (Vajra-dhāraṃ) **Thánh Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát**

(Ārya-Ākāśa-garbha bodhisattva mahā-sattva) rồi tỏ rõ **Khuyến Thỉnh** (Adhyeṣita).
Tụng là:

Hư Không Tạng Tôn lợi hữu tình (Ākāśa-garbhaṃ Sattvārtha)
Ma Ha Tát Đỏa, Đại Quang Diệu (Mahā-sattva Mahā-dyute)
Đại Bảo lại là Diệu Thắng Bảo (Mahā-ratna Su-ratnāgrya)
Cúi đầu quy mệnh Kim Cương Bảo (Vajra-ratna namo 'stute)

Bậc được quán đỉnh, Đại Bảo Chủ (Abhiṣeka Mahā-ratna)
Thanh tịnh rộng lớn, Đại Thiện Diệu (Mahā-śuddha Mahā-śubha)
Giác Trí Đại Bảo, thân thanh tịnh (Buddha-ratna Visuddhāṅga)
Cúi đầu quy mệnh báu trong báu (Ratna-ratna namo 'stute)

Hư không, nơi hư không sinh ra (Ākāśa Ākāśa-sambhūta)
Tất cả hư không, đại hư không (Sarvākāśa Mahā-nabha)
Tức hư không giới, đủ các Nguyên (Ākāśa-dhātu Sarvāśa)
Cúi đầu quy mệnh các Thắng Nguyên (Sarvāśāgrya namo 'stute)

Trong báu sinh ra Hào Tướng báu (Ratna-sambhava Ratnoraṇa)
Tức Phật Hào Tướng, Diệu Như Lai (Buddhoraṇa Su-tathāgata)
Tất cả thượng diệu, tất cả báu (Sarva-ratna Su-sarvāgrya)
Cúi đầu quy mệnh chỗ báu làm (Ratna-kārya namo 'stute)

Diệu Bảo, Thắng Bảo, lại Bảo Dững (Ratna Ratnāgrya Ratnogra)
Cũng lại là báu của Như Lai (Ratna-sarva-tathāgata)
Là Đại Hư Không, Tối Thượng Bảo (Ratnottama Mahākāśa)
Cúi đầu quy mệnh Đẳng Hư Không (Samākāśa namo 'stute)

Thù diệu trang nghiêm, đại nghiêm lệ (Alaṃkāra Mahā-śobha)
Mọi tướng trang nghiêm, bậc Diệu Nghiêm (Śobhākara Su-śobhaka)
Tịnh lợi, thanh tịnh, lợi hữu tình (Śuddha Sarvārtha Śuddhārtha)
Cúi đầu quy mệnh Hạnh Bố Thí (Dāna-carya namo 'stute)

Tối Thượng Thanh Tịnh, Diệu Pháp Bảo (Dharma-ratna Visuddhāgrya)
Như Lai lại là báu Tăng Già (Saṃgha-ratna Tathāgata)
Bậc Đại Quán Đỉnh, lợi Thế Gian (Mahābhiṣeka Lokārtha)
Cúi đầu quy mệnh Đệ Nhất Nghĩa (Paramārtha namo 'stute)
(Bản khác ghi nhận là: **Pramodārtha namo 'stute**: Cúi đầu quy mệnh Hoan
Hỷ Nghĩa)

Bố Thí, Quảng Thí, Tối Thượng Thí (Dāna Pradana Dānāgrya)
Thiện Xả, Thắng Xả, bậc Năng Xả (Tyāga Tyāgāgrya Dāyaka)
Lợi các hữu tình, lợi khắp xong (Sarva-sattvārtha Tatvārtha)
Cúi lạy Đại Lợi Thiện Lợi Ích (Mahārthārtha namo 'stute)

Như Ý Bảo Vương, Đại Uy Quang (Cintā-maṇi-rāja Mahā-teja)
Lý Bố Thí Ma La Mật Đa (Dāna-pāramitā-naya)
Đầy tức Như Lai, Đại Dững Mãnh (Tathāgata Mahā-sattva)

Cúi đầu quy mệnh Nhất Thiết Giác (Sarva-buddha namo 'stute)

Đầy tức Như Lai, Đại Trân Bảo (Tathāgata Mahā-ratna)

Đầy tức Như Lai, Đại Quang Minh (Tathāgata Mahā-prabha)

Đầy tức Như Lai, Đại Bảo Tràng (Tathāgata Mahā-ratna-ketu)

Cúi đầu quy mệnh Tướng Đại Tiểu (Mahā-hāsa namo 'stute)

Như Lai, Tối Thượng Quán Đỉnh Giả (Tathāgata Ābhiṣekāgrya)

Bậc Tự Quán Đỉnh, lại Đại Tôn (Mahābhiṣeka Mahā-nātha)

[Bản khác ghi nhận là: **Mahābhiṣeka Mahā-vibho**: Bậc Đại Quán Đỉnh, Đại Quang Diệu]

Thế Gian Thắng Diệu, Thế Gian Tôn (Loka-nāthatva Lokāgrya)

Cúi đầu quy mệnh Thế Gian Nhật (Loka-sūrya namo 'stute)

Trong báu, cực cao lại cực cao (Ratnādhika Adhikāra)

Mọi báu trang nghiêm, các việc báu (Ratna-bhūṣaṇa Ratna-dhṛk)

Là Báu Thế Gian, Đại Thế Gian (Ratnāloka Mahāloka)

Cúi đầu quy mệnh Bảo Danh Xung (Ratna-kīrte namo 'stute)

Làm Diệu Bảo Dững, lại Bảo Việt (Ratnotkara Su-ratnottha)

Ma Ni, Kim Cương Ma Ni, Đức (Maṇe Vajra-maṇe Guṇa)

Thắng Diệu Quang Minh, Bảo chiếu diệu (Ratnākara Su-dīptāṅga)

Cúi đầu quy mệnh tất cả báu (Sarva-ratna namo 'stute)

Đại Thân Bảo, Trượng, Bảo Tự Tại (Mahātma Yaṣṭi Ratneśa)

Hay mãn tất cả điều thệ nguyện (Sarvāśā-paripūraka)

Đã được tất cả ý vui tròn (Sarvābhiprāya-saṃprāpti)

Cúi đầu quy mệnh nhóm mọi báu (chúng bảo tự) [Ratna-rāsi namo 'stute]

Tận mé Hữu Đỉnh (Sắc Cứu Cánh Thiên) **đại uy lực** (Abhvāgrya Vyāpi Bhavāgra)

[Bản khác ghi nhận là: **Abhvāgrya Vyāpi Sarvātma** (?Sarvātman): Uy Lực thù thắng (Đại Uy Lực) lan rộng toàn bộ]

Hay ban các nguyện, thệ nguyện lớn (Vara-prada Mahā-vara)

Tất cả đầy đủ, đại cát tường (Vibhūte Sarva-saṃpatte)

Cúi đầu quy mệnh Kim Cương Tạng (Vajra-garbha namo 'stute)

Đã trao quán đỉnh của chư Phật (Sarva-buddhābhiṣeka)

Trăm tám tên (108 tên) **Tôn Tịch Tĩnh** [Nāmāṣṭaśataṃ śivam] (của) ông

Nếu người xưng tán với thọ trì

Ấy được sát na diệt các tội

Nay Ta khuyến thỉnh ông, Bảo Chủ (Ratna-pati)

Khéo nói **Tự Tôn Bảo Tài Tạng** (Sva-dhana-saṃcayam: Tự tích tụ tài sản)

Chư Phật Quán Đỉnh Tối Thượng Tôn (Sarva-buddhābhiṣekāgryam)

Chân thật sinh ra **Bộ bí mật** (Guhya-kulam)

[Bản khác ghi nhận là: **Niyama-kulam**: Bộ Khế Ước, Bộ Quyết Định, Bộ Trì Giới]

_ Khi ấy, Thánh Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nghe lời khuyên thỉnh của các Như Lai xong, liền nói **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Tam Muội Đại Minh** (Sarva-tathāgatābhiṣeka-samayam mahā-vidya) là:

“**Án, phộc nhật-la, la đất-na, hồng**”

ॐ वज्र रत्न ह्रूं

*)OM_ VAJRA-RATNA HŪM

_ Bây giờ, Đức Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai nói **Ma Ni Bảo Tam Muội Tối Thượng Đại Minh** (Maṇi-ratna-samaya mahā-vidyottamam) này là:

“**Án, tát lý-phộc đất tha nga đa, xá ba lý bố la noa (1) ma hạ la đất-na, hồng (2)**”

ॐ म ह गलगतल्लव(रपुर्म मरु र ह्रूं

*)OM_ SARVA TATHĀGATĀŚĀ PARIPŪRAṆA _ MAHĀ-RATNA HŪM

_ Khi ấy, **Kim Cương Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi) nói **Tự Bộ Xuất Sinh Tối Thượng Đại Minh** (Sva-kula-sambhava mahā-vidyottamam) này là:

“**Án, phộc nhật-la, la đất-na, hồng**”

ॐ वज्र रत्न ह्रूं

*)OM_ VAJRA-RATNA HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ vajra Hūm Traḥ**)

_ Lúc đó, **Kim Cương Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-garbha) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** (Sva-kula-mahā-vidyottamam) này là:

“**Án, ma ni, hồng**”

ॐ म(म ह्रूं

*)OM_ MAṆI HŪM

_ Bây giờ, **Kim Cương Nhãn** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-netra) nói **Tự Bộ Xuất Sinh Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, bát nột-ma, hột-lý**”

ॐ वस ह्रीः

*)OM_ PADMA HRĪH

_ Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-viśva-karma) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, vĩ thuyết la đất-na, hồng**”

ॐ (व रत्न ह्रूं

*)OM_ VIŚVA-RATNA HŪM

_ Bây giờ, Thánh Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát liền nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Bảo Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgatābhiṣeka-ratnam samādhi) Như vậy vào xong, vòng khắp, từ trong trái tim của Như Lai ấy, hiện ra tướng **Kim Cương Ma Ni Bảo** (Vajra-maṇi-ratna) tỏa ánh sáng rộng lớn chiếu diệu khắp hết tất cả Thế Giới, dùng Pháp Quán Đỉnh của tất cả Như Lai, rộng vì tất cả hữu tình làm Quán Đỉnh xong, lại tụ làm một Thể.

Ánh sáng ấy xoay lại nhập vào trái tim của Cụ Đúc Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Sau đó liền từ trái tim của Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát hiện ra **Cụ Đúc Kim Cương Thủ Tôn** (Bhagavān vajra-pāṇi) vòng khắp có đủ **tạng ánh sáng rực rỡ** (Raśmi-jvālā-garbha), **mọi báu Kim Cương Đại Ma Ni** (Vicitra-vajra-mahā-maṇi) đủ màu, vật trang nghiêm màu nhiệm của **báu quán đỉnh** (Ratnābhiṣeka)...trang nghiêm thân ấy, cầm **Tiêu Xí Ấn Khế** (Cihna-mudrā) của **Đại Kim Cương Tịnh Ma Ni Bảo** (Mahā-vajra-maṇi-ratna). Hiện ra **thân Đại Bồ Tát** (Mahā-bodhisattva-kāya) như vậy xong, rộng vì tất cả hữu tình của tất cả Thế Giới tuôn **mưa đại trân bảo** (Mahā-ratna-varṣa) sinh ra các nghĩa lợi khiến cho khắp tất cả đều vui vẻ.

Thân đã hiện ấy quay lại trong **vành trăng tương ứng của Kim Cương Giới Đại Mạn Noa La** (Vajra-dhātu-mahā-maṇḍala yogena candra-maṇḍala) giáp vòng quanh Đúc Thế Tôn Đại Tỳ Lô Giá Na Như Lai, y Chỉ mà trụ, nói Tụng này là:

“Lớn thay! **Tất cả Chính Giác Tôn** (Sarva-buddhānām)

Tất cả Tạng trân bảo chân thật

Ông trong **Kim Cương Bảo Bộ** (Vajra-ratna-kulam) này

Sinh ra các **nghĩa lợi Thế Gian** (Jagad-artha)”

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN THỨ HAI MƯỜI MỐT (Hết)